

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT HK 1 - NH 2023-2024

(Đính kèm quyết định số: 408 /QĐ-HVHK ngày 11 tháng 04 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
Khóa 2019													
	1953020082	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	Nữ	24/04/2001	19ĐHHĐT02	16	4.00	9.07	95.00	Xuất sắc	13,750,000	
	1953020064	NGÔ ĐĂNG	LỘC	Nam	27/05/2001	19ĐHHĐT02	20	3.23	7.90	80.00	Giỏi	12,500,000	
Khóa 2020													
Công nghệ KT điện tử - viễn thông													
1	2053020044	LÊ HỒNG	HẠNH	Nữ	04/08/2002	20ĐHHĐT01	16	3.53	8.44	92	Giỏi	12,500,000	
2	2053020001	PHAN HỮU	LIÊU	Nam	19/05/2000	20ĐHHĐT01	16	3.53	8.58	90	Giỏi	12,500,000	
3	2053020017	PHẠM HOÀNG	KHAN	Nam	14/05/2002	20ĐHHĐT01	16	3.53	8.46	88	Giỏi	12,500,000	
4	2053020079	LÊ ĐẠI	ĐỨC	Nam	05/07/2002	20ĐHHĐT02	16	3.25	7.95	85	Giỏi	12,500,000	
5	2053020109	NGUYỄN HỮU	ANH	Nam	14/06/2001	20ĐHHĐT02	16	3.16	7.64	93	Khá	11,250,000	
6	2053020041	Trần Quốc	Anh	Nam	01/08/2002	20ĐHHĐT01	16	3.16	7.66	83	Khá	11,250,000	
Kỹ thuật Hàng không													
1	2051200008	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	Nam	15/05/2002	20ĐHHKT01	18	3.83	8.41	97	Xuất sắc	13,750,000	
2	2051200029	NGUYỄN BÁCH	GIA	Nam	02/05/2002	20ĐHHKT01	18	3.75	8.51	100	Xuất sắc	13,750,000	
3	2051200035	TRẦN THÀNH	DANH	Nam	21/07/2002	20ĐHHKT01	18	3.75	8.84	94	Xuất sắc	13,750,000	
4	2051200067	VÕ ĐAN	TÙNG	Nam	10/12/2002	20ĐHHKT01	18	3.75	8.84	90	Xuất sắc	13,750,000	
5	2051200030	NGUYỄN TÂN	ĐỖ	Nam	14/09/2002	20ĐHHKT01	18	3.67	8.72	95	Xuất sắc	13,750,000	
6	2051200040	CAO TÂN	DUY	Nam	04/07/2002	20ĐHHKT01	18	3.83	8.85	88	Giỏi	12,500,000	
7	2051200042	CAO VIỆT	HOÀNG	Nam	13/12/2001	20ĐHHKT01	18	3.83	8.80	88	Giỏi	12,500,000	
Quản lý hoạt động bay													
1	2056060003	PHẠM MINH	HẰNG	Nữ	19/09/2002	20ĐHHKL01	17	3.88	9.01	96	Xuất sắc	13,750,000	
2	2056060029	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	Nữ	14/09/2002	20ĐHHKL01	17	3.82	8.62	95	Xuất sắc	13,750,000	
3	2056060031	NGUYỄN QUANG	NGUYỄN	Nam	21/08/2002	20ĐHHKL01	17	3.76	8.91	96	Xuất sắc	13,750,000	
4	2056060026	NGUYỄN HOÀNG	PHÁT	Nam	21/09/2002	20ĐHHKL01	17	3.71	8.72	96	Xuất sắc	13,750,000	
Quản trị kinh doanh													
1	2051010399	ĐÌNH HOÀNG	ĐẠI	Nam	05/02/2002	20ĐHHQTC2	15	3.27	7.77	88	Giỏi	12,500,000	
2	1951010013	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO	TRẦN	Nữ	17/01/2001	20ĐHHQTC1	16	3.00	7.44	91	Khá	11,250,000	
Khóa 2021													
Công nghệ KT điện tử - viễn thông													
1	2105120101	LÊ TÂN	ĐẠT	Nam	15/02/2003	21ĐHHĐT01	15	3.53	8.19	84	Giỏi	12,500,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
2	2105120006	Trần Quốc	Huy	Nam	02/07/2003	21ĐHĐT01	15	3.43	8.29	85	Giỏi	12,500,000	
3	2105120019	Trần Quốc	Trung	Nam	07/03/2003	21ĐHĐT01	15	3.40	8.11	85	Giỏi	12,500,000	
4	2105120073	VÕ TẤN	VỸ	Nam	17/12/2003	21ĐHĐT02	15	3.37	7.88	86	Giỏi	12,500,000	
5	2105120071	NGUYỄN PHI	HÙNG	Nam	24/11/2003	21ĐHĐT02	15	3.30	7.80	83	Giỏi	12,500,000	
6	2105120103	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	Nam	12/04/2002	21ĐHĐT01	15	3.27	8.18	84	Giỏi	12,500,000	
Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa													
1	2105130110	Lê Thúy	Quỳnh	Nữ	15/07/2003	21ĐHTĐ02	15	3.90	9.06	90	Xuất sắc	13,750,000	
2	2105130125	Trần Quốc	Tuyên	Nam	06/12/2003	21ĐHTĐ02	15	3.83	9.13	90	Xuất sắc	13,750,000	
3	2105130076	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	10/02/2003	21ĐHTĐ02	15	3.77	8.77	94	Xuất sắc	13,750,000	
4	2105130063	Nguyễn Trường	Bảo	Nam	24/04/2003	21ĐHTĐ02	15	3.67	8.85	90	Xuất sắc	13,750,000	
5	2105130066	Nguyễn Minh	Đăng	Nam	03/04/2003	21ĐHTĐ02	15	3.67	8.57	90	Xuất sắc	13,750,000	
6	2105130017	Lâm Phú	Vinh	Nam	01/08/2003	21ĐHTĐ01	15	3.60	8.38	86	Giỏi	12,500,000	
Công nghệ thông tin													
1	2154810035	TRẦN THÀNH	PHÁT	Nam	13/05/2003	21ĐHTT01	17	3.82	8.73	95.00	Xuất sắc	13,750,000	
2	2154810101	LÊ HOÀNG	ANH	Nam	14/02/2003	21ĐHTT01	17	3.76	8.50	97.00	Xuất sắc	13,750,000	
3	2154810086	LÊ CAO TẤN	LỘC	Nam	28/09/2003	21ĐHTT02	17	3.74	8.75	94.00	Xuất sắc	13,750,000	
4	2154810051	LÊ ĐÌNH	QUÝ	Nam	14/08/2003	21ĐHTT02	17	3.65	8.19	90.00	Xuất sắc	13,750,000	
5	2154810061	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀ	Nữ	01/04/2003	21ĐHTT02	17	3.74	8.49	89.00	Giỏi	12,500,000	
6	2154810102	HOÀNG NGỌC	ÁNH	Nữ	29/11/2003	21ĐHTT01	17	3.74	8.58	87.00	Giỏi	12,500,000	
7	2154810045	LÝ CHÍ	DŨNG	Nam	20/05/2003	21ĐHTT01	17	3.74	8.51	87.00	Giỏi	12,500,000	
8	2154810113	TRẦN THỊ ANH	THU	Nữ	09/07/2003	21ĐHTT02	17	3.65	8.34	88.00	Giỏi	12,500,000	
9	2154810095	NGUYỄN PHƯỚC	VĨNH	Nam	03/02/2003	21ĐHTT02	17	3.65	8.19	87.00	Giỏi	12,500,000	
	Dịch vụ thương mại hàng không												
1	2111150132	Nguyễn Thạch Thanh	Nhi	Nữ	15/02/2003	21CĐTM03	17	3.24	7.90	71.00	Khá	11,250,000	
2	2111150040	Đinh Thị Kiều	Mây	Nữ	06/07/2003	21CĐTM01	16	3.00	7.41	78.00	Khá	11,250,000	
	Kiểm soát không lưu												
1	2111210030	Nguyễn Phú	Thịnh	Nam	06/10/2003	21CĐKL01	21	3.74	8.48	93.00	Xuất sắc	13,750,000	
2	2111210017	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	Nữ	22/03/2003	21CĐKL01	21	4.00	8.83	85.00	Giỏi	12,500,000	
3	2111210015	Nguyễn Phương	Quỳnh	Nữ	30/12/2003	21CĐKL01	21	3.55	8.12	89.00	Giỏi	12,500,000	
4	2111210005	Nguyễn Minh	Thu	Nữ	23/10/2003	21CĐKL01	21	3.55	8.17	89.00	Giỏi	12,500,000	
Kỹ thuật Hàng không													
1	2155200019	TẠ QUỐC	HUY	Nam	26/10/2003	21ĐHKT01	16	3.41	8.13	85	Giỏi	12,500,000	
2	2155200032	LÊ TẤN CÔNG	MINH	Nam	28/10/2003	21ĐHKT01	16	3.34	7.73	84	Giỏi	12,500,000	
3	2155200018	NGUYỄN MINH	HÙNG	Nam	12/11/2003	21ĐHKT01	16	3.25	7.78	86	Giỏi	12,500,000	
4	2155200049	NGUYỄN BÌNH	THUẬN	Nam	14/03/2003	21ĐHKT01	16	3.25	8.05	85	Giỏi	12,500,000	
5	2155200059	DUƠNG THỊ LAM	VY	Nữ	21/10/2003	21ĐHKT01	16	3.25	7.91	85	Giỏi	12,500,000	
Ngôn ngữ Anh													
1	2152210104	VÕ NHẬT ĐĂNG	KHOA	Nam	07/08/2003	21ĐHNAHK	16	4.00	8.98	95	Xuất sắc	13,750,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
2	2152210048	NGUYỄN THUY HUỖNH	PHƯỚC	Nữ	29/12/2003	21ĐHNAHK	22	3.86	9.17	97	Xuất sắc	13,750,000	
3	2152210015	TRẦN HOÀNG	TÍN	Nam	19/01/2003	21ĐHNAHK	16	3.84	8.90	94	Xuất sắc	13,750,000	
4	2152210007	Trần Thái Anh	Kim	Nữ	10/08/2003	21ĐHNAHK	22	3.80	8.69	92	Xuất sắc	13,750,000	
5	2152210006	Phùng Thị Mỹ	Hương	Nữ	22/09/2003	21ĐHNAHK	19	3.76	8.69	95	Xuất sắc	13,750,000	
6	2152210060	NGUYỄN THỊ TỐ	VI	Nữ	14/01/2003	21ĐHNAHK	16	3.69	8.70	94	Xuất sắc	13,750,000	
7	2152210020	Vòng Bảo	Ngọc	Nữ	21/02/2003	21ĐHNAHK	19	3.68	8.44	95	Xuất sắc	13,750,000	
8	2152210114	PHẠM MẠNH	TRƯỜNG	Nam	10/06/2003	21ĐHNAHK	19	3.63	8.57	95	Xuất sắc	13,750,000	
Quản lý hoạt động bay													
1	2158420026	LÊ HOÀNG	MAI	Nữ	07/06/2003	21ĐHKL01	16	3.81	8.70	100	Xuất sắc	13,750,000	
2	2158420049	NGUYỄN XUÂN	NHI	Nữ	10/12/2003	21ĐHKL01	16	3.75	8.53	93	Xuất sắc	13,750,000	
3	2158420020	HOÀNG LÊ NHẬT	LAN	Nữ	26/06/2003	21ĐHKL01	16	3.72	8.49	97	Xuất sắc	13,750,000	
4	2158420042	NGUYỄN Y BẢO	HÂN	Nữ	10/07/2003	21ĐHKL01	16	3.72	8.78	95	Xuất sắc	13,750,000	
Quản trị kinh doanh													
1	2153410149	HOÀNG TRUNG	QUANG	Nam	20/03/2003	21ĐHQTVT1	17	3.94	8.99	90	Xuất sắc	13,750,000	
2	2153410057	Lê Như Quyết	Thắng	Nam	04/01/2003	21ĐHQTDL	15	3.93	8.93	99	Xuất sắc	13,750,000	
3	2153410154	HUỖNH THỊ MỸ	MỸ	Nữ	02/02/2003	21ĐHQTDL	15	3.90	8.83	100	Xuất sắc	13,750,000	
4	2153410026	Nguyễn Đoàn Viết	Khá	Nam	05/02/2003	21ĐHQTDL	15	3.90	9.03	99	Xuất sắc	13,750,000	
5	2153410085	Trịnh Quốc	Duy	Nam	27/03/2003	21ĐHQTDL	15	3.90	8.74	91	Xuất sắc	13,750,000	
6	2153410384	BÙI NGUYỄN TÚ	ANH	Nữ	12/03/2003	21ĐHQTC4	18	3.89	9.01	95	Xuất sắc	13,750,000	
7	2153410015	LÊ THỊ MỸ	ĐÀO	Nữ	24/12/2003	21ĐHQTC1	18	3.89	8.83	95	Xuất sắc	13,750,000	
8	2153410413	PHAN HIỀN PHÚC	ĐẠT	Nam	19/03/2003	21ĐHQTVT1	17	3.88	8.85	90	Xuất sắc	13,750,000	
9	2153410012	Trần Khương	Duy	Nam	17/10/2003	21ĐHQTVT1	17	3.88	8.85	90	Xuất sắc	13,750,000	
10	2153410077	Đỗ Thị Mỹ	Lê	Nữ	15/11/2003	21ĐHQTVT1	17	3.88	9.11	90	Xuất sắc	13,750,000	
11	2153410233	TRẦN THỊ	LINH	Nữ	10/01/2003	21ĐHQTVT2	15	3.87	8.79	93	Xuất sắc	13,750,000	
12	2153410043	PHẠM THỊ HỒNG	NGỌC	Nữ	01/01/2003	21ĐHQTC1	18	3.83	8.77	95	Xuất sắc	13,750,000	
13	2153410361	LÝ HOÀI	AN	Nữ	02/03/2003	21ĐHQTVT2	17	3.82	8.86	93	Xuất sắc	13,750,000	
14	2153410218	ĐỖ KHÁNH	LINH	Nữ	14/08/2003	21ĐHQTVT2	17	3.82	8.65	90	Xuất sắc	13,750,000	
15	2153410376	PHẠM TRUNG	HẬU	Nam	26/08/2003	21ĐHQTC4	18	3.81	8.53	97	Xuất sắc	13,750,000	
16	2153410364	VÕ NGỌC BẢO	THY	Nữ	22/05/2003	21ĐHQTC4	18	3.81	8.77	96	Xuất sắc	13,750,000	
17	2153410083	Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	04/12/2003	21ĐHQTC1	18	3.81	8.60	94	Xuất sắc	13,750,000	
18	2153410181	LÊ NGUYỄN HOÀNG	NGHI	Nữ	26/07/2003	21ĐHQTVT2	17	3.76	8.61	90	Xuất sắc	13,750,000	
19	2153410267	NGÔ THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	24/02/2003	21ĐHQTC3	20	3.75	8.61	96	Xuất sắc	13,750,000	
20	2153410046	Khắc Thị Mai	Nhi	Nữ	30/11/2003	21ĐHQTVT1	17	3.74	8.66	94	Xuất sắc	13,750,000	
21	2153410011	Trần Khánh	Duy	Nam	23/10/2003	21ĐHQTDL	15	3.73	8.53	97	Xuất sắc	13,750,000	
22	2153410069	Tổng Thiện	Yên	Nữ	31/07/2003	21ĐHQTC1	18	3.72	8.59	97	Xuất sắc	13,750,000	
23	2153410032	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	21/01/2003	21ĐHQTC1	18	3.72	8.58	95	Xuất sắc	13,750,000	
24	2153410352	LÊ THY THẢO	NGUYỄN	Nữ	12/08/2003	21ĐHQTC4	18	3.72	8.58	94	Xuất sắc	13,750,000	
25	2153410291	NGUYỄN CAO	NGUYỄN	Nam	12/07/2003	21ĐHQTC3	18	3.72	8.49	92	Xuất sắc	13,750,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
26	2153410250	LÊ THỊ	KIM	Nữ	16/02/2003	21ĐHQTVT2	17	3.71	8.51	95	Xuất sắc	13,750,000	
27	2153410249	VÕ DƯƠNG KHÁNH	LY	Nữ	10/06/2001	21ĐHQTVT2	17	3.71	8.68	90	Xuất sắc	13,750,000	
28	2153410016	Trần Nguyễn Hoàng	Đạt	Nam	21/10/2003	21ĐHQTVT1	17	3.68	8.69	91	Xuất sắc	13,750,000	
29	2153410323	NGÔ THỊ MAI	LOAN	Nữ	07/04/2003	21ĐHQTDL	15	3.67	8.67	97	Xuất sắc	13,750,000	
30	2153410432	NGUYỄN THANH	NGOAN	Nữ	06/03/2003	21ĐHQTC2	18	3.67	8.36	95	Xuất sắc	13,750,000	
31	2153410201	LƯƠNG THỊ THỦY	TIÊN	Nữ	12/08/2003	21ĐHQTDL	15	3.67	8.39	94	Xuất sắc	13,750,000	
32	2153410079	Trần Thị Tuyết	Nhi	Nữ	11/03/2003	21ĐHQTC1	18	3.67	8.64	91	Xuất sắc	13,750,000	
33	2153410222	TRẦN THỊ THẢO	UYÊN	Nữ	28/11/2003	21ĐHQTC3	18	3.67	8.51	90	Xuất sắc	13,750,000	
34	2153410320	NGUYỄN THỊ THỦY	DUYÊN	Nữ	05/02/2003	21ĐHQTC3	20	3.65	8.15	97	Xuất sắc	13,750,000	
35	2153410326	NGUYỄN MINH	NHẬT	Nam	08/06/2003	21ĐHQTVT2	17	3.65	8.38	95	Xuất sắc	13,750,000	
36	2153410275	ĐẶNG TỔ	UYÊN	Nữ	24/12/2003	21ĐHQTVT2	17	3.65	8.52	93	Xuất sắc	13,750,000	
37	2153410082	Đoàn Thanh	Tân	Nam	18/07/2003	21ĐHQTVT1	17	3.65	8.51	90	Xuất sắc	13,750,000	
Khóa 22													
CNKT công trình xây dựng													
1	2250000149	LÊ TÁT	THÀNH	Nam	27/01/2004	22ĐHXD01	16	3.38	8.01	91.00	Giỏi	12,500,000	
2	2250000161	Nguyễn Hoàng	Thịnh	Nam	14/10/2004	22ĐHXD01	16	3.34	7.74	85.00	Giỏi	12,500,000	
Công nghệ KT điện tử - viễn thông													
1	2255120093	Dương Hoàng Minh	Quân	Nam	10/06/2004	22ĐHĐT02	16	3.41	8.28	85	Giỏi	12,500,000	
2	2255120073	CAO TRỊNH THỂ	THIỆN	Nam	18/10/2004	22ĐHĐT02	16	3.28	7.88	81	Giỏi	12,500,000	
Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa													
1	2255130089	Thị Lý	Toàn	Nam	12/09/2004	22ĐHTĐ02	15	3.63	8.55	97	Xuất sắc	13,750,000	
2	2255130001	Huỳnh Thanh	Phương	Nam	15/08/2004	22ĐHTĐ01	17	3.62	8.40	86	Giỏi	12,500,000	
3	2255130013	Dư Vĩ	Hào	Nam	07/11/2004	22ĐHTĐ01	17	3.50	8.25	78	Khá	11,250,000	
4	2255130024	Tất Quỳnh	Chi	Nữ	07/09/2004	22ĐHTĐ01	18	3.39	8.07	76	Khá	11,250,000	
5	2255130036	Nguyễn Quốc	Trưởng	Nam	07/08/2004	22ĐHTĐ01	17	3.00	7.54	77	Khá	11,250,000	
6	2255130015	ĐOÀN DƯƠNG	LUÂN	Nam	08/12/2004	22ĐHTĐ01	17	2.94	7.50	74	Khá	11,250,000	
7	2255130004	Phan Đăng	Phúc	Nam	10/09/2004	22ĐHTĐ01	17	2.82	7.45	71	Khá	11,250,000	
Công nghệ thông tin													
1	2254810135	NGUYỄN GIA	KHÁNH	Nam	13/12/2004	22ĐHTT03	15	3.60	8.22	80	Giỏi	12,500,000	
2	2254810218	Lâm Mỹ	Hoàng	Nữ	08/05/2003	22ĐHTT05	15	2.97	7.47	86	Khá	11,250,000	
3	2254810209	NGUYỄN LÊ	TRUNG	Nam	24/03/2004	22ĐHTT05	15	2.87	7.22	89	Khá	11,250,000	
4	2254810152	NGUYỄN LÊ THÙY	LINH	Nữ	08/05/2004	22ĐHTT03	15	2.87	7.33	87	Khá	11,250,000	
5	2254810024	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	04/07/2004	22ĐHTT01	15	2.87	7.18	77	Khá	11,250,000	
6	2254810316	TRỊNH PHƯƠNG	NAM	Nam	18/02/2004	22ĐHTT03	15	2.87	7.39	74	Khá	11,250,000	
7	2254810034	NGUYỄN Y	BIN	Nam	03/09/2004	22ĐHTT01	15	2.83	7.28	87	Khá	11,250,000	
8	2254810045	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	Nam	06/09/2004	22ĐHTT01	15	2.80	7.09	72	Khá	11,250,000	
9	2254810145	PHẠM HỒNG	ĐỨC	Nam	08/10/2004	22ĐHTT03	15	2.77	7.07	76	Khá	11,250,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
10	2254810017	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	Nam	02/03/2004	22ĐHTT01	15	2.77	7.00	72	Khá	11,250,000	
11	2254810169	TÔ QUÝ	PHÚ	Nam	19/10/2004	22ĐHTT04	15	2.70	7.05	73	Khá	11,250,000	
12	2254810013	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	25/05/2004	22ĐHTT01	15	2.67	7.07	87	Khá	11,250,000	
13	2254810240	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	07/03/2004	22ĐHTT05	15	2.63	7.02	78	Khá	11,250,000	
14	2254810150	TRẦN THU	HÀ	Nữ	20/01/2004	22ĐHTT03	15	2.63	6.96	76	Khá	11,250,000	
15	2254810035	NGUYỄN NHẬT	MINH	Nam	09/01/2004	22ĐHTT01	15	2.63	6.96	71	Khá	11,250,000	
16	2254810089	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	NGUYỄN	Nam	10/07/2004	22ĐHTT02	15	2.60	6.95	74	Khá	11,250,000	
17	2254810006	LÊ THỊ	THẨM	Nữ	07/01/2004	22ĐHTT01	15	2.50	6.71	84	Khá	11,250,000	
Dịch vụ thương mại hàng không													
1	2201150009	Hoàng Lâm	Giang	Nữ	29/02/2004	22CĐTM01	25	3.38	8.03	86	Giỏi	12,500,000	
2	2201150003	Trần Thụy Mỹ	Đình	Nữ	15/01/2004	22CĐTM01	25	3.36	8.17	86	Giỏi	12,500,000	
3	2201150048	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Nữ	21/11/2003	22CĐTM01	17	3.06	7.61	70	Khá	11,250,000	
4	2201150021	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	28/01/2004	22CĐTM01	25	2.96	7.34	86	Khá	11,250,000	
5	2201150042	Lê Kiều	Diễm	Nữ	29/10/2004	22CĐTM01	25	2.94	7.40	93	Khá	11,250,000	
6	2201150036	Nguyễn Thành	Phú	Nam	11/12/2003	22CĐTM01	18	2.94	7.31	84	Khá	11,250,000	
7	2201150093	Lê Huyền	Khanh	Nữ	03/05/2001	22CĐTM02	25	2.92	7.39	82	Khá	11,250,000	
8	2201150091	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	20/08/2000	22CĐTM02	25	2.92	7.41	75	Khá	11,250,000	
9	2201150028	Lưu Hồng	Ngọc	Nữ	17/08/2003	22CĐTM01	25	2.90	7.36	86	Khá	11,250,000	
Kiểm soát không lưu													
1	2201210018	Nguyễn Tuyền	Hưng	Nam	08/01/2003	22CĐKL01	18	3.64	8.46	93	Xuất sắc	13,750,000	
2	2201210014	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	16/04/1996	22CĐKL01	18	3.44	8.17	91	Giỏi	12,500,000	
Kiểm tra an ninh hàng không													
1	2201010027	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	21/09/2004	22CĐAN01	18	2.86	7.07	84	Khá	11,250,000	
2	2201010014	Trương Quang	Khải	Nam	16/06/2003	22CĐAN01	18	2.75	7.06	74	Khá	11,250,000	
3	2201010032	Lê Hoàng	Vinh	Nam	29/02/2004	22CĐAN01	18	2.64	6.87	74	Khá	11,250,000	
Kinh tế vận tải													
1	2250000097	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÌNH	Nữ	13/01/2004	22ĐHKVLQ1	15	3.80	8.63	91	Xuất sắc	13,750,000	
2	2250000084	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	Nữ	23/01/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.70	8.47	94	Xuất sắc	13,750,000	
3	2250000127	NGUYỄN THỊ KIỀU	NGÂN	Nữ	07/10/2004	22ĐHKVLQ1	15	3.67	8.67	93	Xuất sắc	13,750,000	
4	2250000070	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	Nam	31/08/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.60	8.45	100	Xuất sắc	13,750,000	
5	2250000093	PHẠM HUỲNH LAN	VY	Nữ	25/08/2004	22ĐHKVLQ2	15	3.60	8.18	97	Xuất sắc	13,750,000	
6	2250000043	BẠCH PHƯƠNG	TÍNH	Nam	16/05/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.63	8.26	88	Giỏi	12,500,000	
7	2250000109	Nguyễn Hoàng Thanh	Hồng	Nữ	25/09/2004	22ĐHKVLQ1	15	3.57	8.37	85	Giỏi	12,500,000	
8	2250000120	Phạm Nguyễn Minh	Vi	Nữ	01/02/2004	22ĐHKVLQ2	15	3.50	8.25	86	Giỏi	12,500,000	
9	2250000046	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	25/02/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.47	8.17	95	Giỏi	12,500,000	
10	2250000023	Trần Thị Thanh	Thùy	Nữ	11/07/2004	22ĐHKVLQ2	15	3.47	8.16	88	Giỏi	12,500,000	
11	2250000080	ĐOÀN MINH	NHẬT	Nam	21/03/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.43	8.04	88	Giỏi	12,500,000	
12	2250000125	NGUYỄN CAO KỲ	UYÊN	Nữ	03/12/2004	22ĐHKVLQ2	15	3.43	8.32	85	Giỏi	12,500,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
13	2250000135	ĐẶNG HOÀNG ANH	THƯ	Nữ	14/04/2004	22ĐHKVLQ1	15	3.40	8.28	91	Giỏi	12,500,000	
Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay													
1	2200000026	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	10/08/2003	22CĐCK01	20	3.68	8.38	100	Xuất sắc	13,750,000	
2	2200000018	Nguyễn Minh	Hải	Nam	05/04/2004	22CĐCK01	25	3.58	8.29	80	Giỏi	12,500,000	
Kỹ thuật Hàng không													
1	2255200010	PHẠM HẢI	DUƠNG	Nam	04/02/2004	22ĐHKT01	16	3.44	8.32	92	Giỏi	12,500,000	
3	2255200061	HUỖNH DUY	PHÁT	Nam	19/12/2004	22ĐHKT02	16	3.31	7.94	84	Giỏi	12,500,000	
2	2255200007	PHẠM HOÀI	DUY	Nam	06/04/2004	22ĐHKT01	16	3.16	7.66	82	Khá	11,250,000	
4	2255200084	LÊ PHÚ	THỊNH	Nam	10/08/2004	22ĐHKT02	16	2.97	7.38	75	Khá	11,250,000	
Ngôn ngữ Anh													
1	2252210141	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	Nữ	18/06/2004	22ĐHNATM2	17	3.82	9.34	97	Xuất sắc	13,750,000	
2	2252210095	LÊ THỊ DIỄM	QUỖNH	Nữ	24/09/2004	22ĐHNATM2	16	3.81	8.96	97	Xuất sắc	13,750,000	
3	2252210026	NGUYỄN TUẤN	ĐÌNH	Nam	02/02/2004	22ĐHNATM1	17	3.74	8.79	97	Xuất sắc	13,750,000	
4	2252210025	Trần Thanh	Lam	Nữ	18/06/2004	22ĐHNAHK	17	3.74	8.61	93	Xuất sắc	13,750,000	
5	2252210020	NGUYỄN NGỌC HẠ	QUYÊN	Nữ	09/06/2004	22ĐHNATM1	17	3.71	8.36	96	Xuất sắc	13,750,000	
6	2252210083	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	Nam	23/08/2004	22ĐHNATM2	16	3.56	8.31	85	Giỏi	12,500,000	
7	2252210045	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	Nữ	15/06/2003	22ĐHNATM1	17	3.53	8.42	93	Giỏi	12,500,000	
8	2252210051	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	14/09/2004	22ĐHNAHK	16	3.53	8.34	88	Giỏi	12,500,000	
9	2252210037	Dương Thị Như	Quyên	Nữ	19/11/2004	22ĐHNATM1	15	3.53	8.23	86	Giỏi	12,500,000	
10	2252210004	Nguyễn Ngọc	Nhung	Nữ	14/10/2003	22ĐHNATM1	16	3.44	8.12	90	Giỏi	12,500,000	
11	2252210167	Lê Bảo	Nhi	Nữ	01/08/2004	22ĐHNATM1	16	3.44	8.14	86	Giỏi	12,500,000	
12	2252210166	Ngô Gia	Bảo	Nam	04/11/2004	22ĐHNAHK	16	3.34	7.91	85	Giỏi	12,500,000	
13	2252210106	ĐẶNG THỊ THANH	THẢO	Nữ	03/07/2004	22ĐHNATM2	16	3.25	7.80	95	Giỏi	12,500,000	
Quản lý hoạt động bay													
1	2258420035	NGUYỄN QUỖNH	ANH	Nữ	06/12/2004	22ĐHKL01	17	3.94	9.24	92	Xuất sắc	13,750,000	
2	2258420038	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	Nữ	24/05/2004	22ĐHKL01	17	3.82	8.89	94	Xuất sắc	13,750,000	
3	2258420025	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	Nữ	15/02/2004	22ĐHKL01	17	3.82	8.67	91	Xuất sắc	13,750,000	
4	2258420040	ĐẶNG THÙY	AN	Nữ	14/09/2004	22ĐHKL01	17	3.76	8.87	91	Xuất sắc	13,750,000	
5	2258420091	LÊ THỊ YẾN	TRINH	Nữ	21/11/2004	22ĐHKL02	17	3.59	8.44	95	Giỏi	12,500,000	
6	2258420098	NGUYỄN LÊ HOÀNG	LAN	Nữ	10/10/2004	22ĐHKL02	17	3.24	7.72	86	Giỏi	12,500,000	
7	2231710121	Nguyễn Ngọc Tố	Phụng	Nữ	02/02/2004	22ĐHKL01	15	3.23	7.79	74	Khá	11,250,000	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành													
1	2258130051	NGUYỄN MINH	THƯ	Nữ	05/03/2004	22ĐHDL02	15	3.87	8.87	97	Xuất sắc	13,750,000	
2	2258130011	HUỖNH TIỂU	MÃN	Nữ	29/10/2004	22ĐHDL01	15	3.77	8.75	93	Xuất sắc	13,750,000	
3	2258130079	Lê Tú	Uyên	Nữ	07/01/2003	22ĐHDL02	18	3.75	8.84	95	Xuất sắc	13,750,000	
4	2258130035	Bùi Hải	Linh	Nữ	12/07/2004	22ĐHDL01	17	3.71	8.77	93	Xuất sắc	13,750,000	
5	2258130001	Nguyễn Khắc	Tín	Nam	01/01/2004	22ĐHDL01	15	3.70	8.34	93	Xuất sắc	13,750,000	
6	2258130107	Trần Thị Thúy	Duy	Nữ	29/09/2004	22ĐHDL01	15	3.67	8.55	96	Xuất sắc	13,750,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
7	2258130012	Trần Quang	Huân	Nam	01/01/2004	22ĐHDL01	15	3.67	8.77	96	Xuất sắc	13,750,000	
8	2258130017	Lê Ngọc Thảo	Vy	Nữ	18/04/2004	22ĐHDL01	15	3.67	8.59	94	Xuất sắc	13,750,000	
Quản trị kinh doanh													
1	2253410287	Khu Tấn	Lộc	Nam	14/01/2004	22ĐHQTTH	17	3.85	8.93	93	Xuất sắc	13,750,000	
2	2253410293	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	Nữ	05/08/2004	22ĐHQTTH	16	3.72	8.70	100	Xuất sắc	13,750,000	
3	2253410262	Trương Phạm Ngọc	Nhi	Nữ	09/05/2004	22ĐHQTTH	17	3.65	8.75	90	Xuất sắc	13,750,000	
4	2253410290	Trần Ni	Na	Nữ	01/11/2004	22ĐHQTTH	16	3.63	8.73	100	Xuất sắc	13,750,000	
5	2253410295	Nguyễn Hà	Thương	Nữ	01/11/2004	22ĐHQTTH	16	3.59	8.68	93	Giỏi	12,500,000	
6	2253410060	NGUYỄN THỊ	BÌNH	Nữ	23/10/2004	22ĐHQTTH	17	3.53	8.33	92	Giỏi	12,500,000	
7	2253410178	NGUYỄN HỮU TUẤN	TÚ	Nam	27/06/2004	22ĐHQTTH	17	3.50	8.35	95	Giỏi	12,500,000	
8	2253410242	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	Nữ	11/01/2004	22ĐHQTVT1	17	3.50	8.40	85	Giỏi	12,500,000	
9	2253410070	HUỖNH THANH	TRÚC	Nữ	10/03/2004	22ĐHQTVT2	20	3.45	8.07	98	Giỏi	12,500,000	
10	2253410265	Nguyễn Phước	Hưng	Nam	26/04/2004	22ĐHQTC3	17	3.44	8.24	95	Giỏi	12,500,000	
11	2253410325	HỒ THỊ	PHUƠNG	Nữ	09/04/2004	22ĐHQTTH	17	3.44	8.19	95	Giỏi	12,500,000	
12	2253410024	PHẠM HỮU MINH	HOÀNG	Nam	01/06/2004	22ĐHQTTH	17	3.44	8.05	93	Giỏi	12,500,000	
13	2253410316	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	08/03/2004	22ĐHQTC3	17	3.32	7.85	98	Giỏi	12,500,000	
14	2253410128	HUỖNH THỊ NGỌC	TUYẾN	Nữ	05/02/2004	22ĐHQTTH	16	3.28	7.79	91	Giỏi	12,500,000	
15	2253410344	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	Nữ	14/01/2004	22ĐHQTC4	17	3.26	7.83	98	Giỏi	12,500,000	
16	2253410266	Phạm Phương	Anh	Nữ	15/09/2004	22ĐHQTTH	16	3.25	8.03	92	Giỏi	12,500,000	
17	2253410055	LÊ THỊ KIM	CHI	Nữ	15/06/2004	22ĐHQTTH	17	3.24	7.81	90	Giỏi	12,500,000	
18	2253410074	LƯU THỊ THU	GIANG	Nữ	11/07/2004	22ĐHQTVT1	20	3.23	7.64	95	Giỏi	12,500,000	
19	2253410314	Huỳnh Châu Ngọc	Trâm	Nữ	05/11/2004	22ĐHQTVT2	17	3.21	7.72	85	Giỏi	12,500,000	
20	2253410015	PHẠM THỊ NGỌC	CHÂU	Nữ	23/12/2004	22ĐHQTTH	17	3.35	8.05	78	Khá	11,250,000	
21	2253410328	Phạm Thu	Trang	Nữ	16/01/2004	22ĐHQTC4	17	3.18	7.72	94	Khá	11,250,000	
22	2253410073	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	Nữ	04/05/2004	22ĐHQTC1	17	3.18	7.75	83	Khá	11,250,000	
23	2253410195	LÊ THỊ THANH	THÚY	Nữ	20/08/2004	22ĐHQTTH	17	3.15	7.94	84	Khá	11,250,000	
24	2253410063	NGUYỄN NGỌC TÙNG	CHI	Nữ	09/11/2004	22ĐHQTVT1	17	3.15	7.94	83	Khá	11,250,000	
25	2253410312	Đinh Bùi Thanh	Bình	Nam	09/04/2004	22ĐHQTC3	17	3.09	7.70	95	Khá	11,250,000	
26	2253410087	VÔ HUỖNH VÂN	ANH	Nữ	03/02/2004	22ĐHQTVT1	17	3.09	7.57	72	Khá	11,250,000	
27	2253410241	Đỗ Hoàng Phương	Trinh	Nữ	27/7/2024	22ĐHTT01	16	3.52		90	Giỏi	12,500,000	
28	2253410232	Phạm Ngọc	Linh	Nữ	13/3/2004	22ĐHTT01	16	3.79		95	Xuất sắc	13,750,000	
Quản trị nhân lực													
1	2253440079	PHẠM HỒNG	NGỌC	Nữ	23/10/2004	22ĐHNL02	17	3.91	8.87	93	Xuất sắc	13,750,000	
2	2253440092	LÂM ĐỒNG THANH	THẢO	Nữ	14/04/2004	22ĐHNL02	17	3.44	8.12	82	Giỏi	12,500,000	
3	2253440034	Trần Ngọc	Khánh	Nữ	16/07/2004	22ĐHNL01	17	3.41	7.90	83	Giỏi	12,500,000	
4	2253440062	VUÔNG HOÀNG BẢO	NGÂN	Nữ	30/01/2004	22ĐHNL02	17	3.26	7.91	95	Giỏi	12,500,000	
5	2253440054	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	21/05/2004	22ĐHNL02	17	3.26	7.85	93	Giỏi	12,500,000	
6	2253440098	MAI	LAM	Nữ	13/05/2004	22ĐHNL02	17	3.15	7.66	88	Khá	11,250,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
7	2253440035	Lê Khánh	An	Nữ	09/05/2004	22ĐHNL01	17	3.00	7.65	88	Khá	11,250,000	
8	2253440059	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	Nữ	09/11/2004	22ĐHNL02	17	2.94	7.48	81	Khá	11,250,000	
9	2253440002	Lê Thị Tuyết	Nhi	Nữ	04/04/2004	22ĐHNL01	17	2.91	7.27	87	Khá	11,250,000	
Khóa 2023													
CNKT công trình xây dựng													
1	2331550004	VÕ HOÀNG	THANH	Nam	22/09/2005	23ĐHXD01	14	3.36	8.06	73	Khá	11,250,000	
Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa													
1	2331530041	PHAN NGÔ BẢO	DUY	Nam	01/01/2005	23ĐHTĐ01	14	2.86	7.11	83	Khá	11,250,000	
2	2331530028	LUƠNG NGUYỄN ANH	KHOA	Nam	06/11/2005	23ĐHTĐ01	14	2.61	6.87	81	Khá	11,250,000	
Công nghệ thông tin													
1	2331540327	Kiều Ngọc Tú	Anh	Nữ	02/09/2005	23ĐHTT06	14	3.21	7.99	84	Giỏi	12,500,000	
2	2331540283	Võ Hoàng Nhật	Trường	Nam	02/06/2005	23ĐHTT01	14	3.50	8.26	76	Khá	11,250,000	
3	2331540225	Đoàn Thị Kim	Ngân	Nữ	24/11/2005	23ĐHTT05	14	3.39	7.99	73	Khá	11,250,000	
4	2331540255	Võ Thái	Học	Nam	06/12/2005	23ĐHTT05	14	3.25	7.77	78	Khá	11,250,000	
5	2331540280	Phan Thị Thanh	Thảo	Nữ	23/04/2005	23ĐHTT05	14	3.14	7.74	92	Khá	11,250,000	
6	2331540160	LÊ TUÔNG	VÂN	Nữ	09/09/2005	23ĐHTT06	14	3.14	7.59	78	Khá	11,250,000	
7	2331540273	Trần Ngọc Khang	Hy	Nam	03/05/2005	23ĐHTT05	14	3.11	7.56	83	Khá	11,250,000	
8	2331540053	NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG	DƯƠNG	Nam	30/11/2005	23ĐHTT01	14	3.11	7.44	72	Khá	11,250,000	
9	2331540099	PHẠM HỮU	KIÊN	Nam	01/06/2005	23ĐHTT02	14	3.11	7.59	71	Khá	11,250,000	
10	2331540288	Trịnh Minh	Tuấn	Nam	31/10/2005	23ĐHTT06	14	3.07	7.63	79	Khá	11,250,000	
11	2331540352	Lưu Xuân	Dũng	Nam	08/08/2005	23ĐHTT06	14	3.07	7.51	77	Khá	11,250,000	
12	2331540247	Dương Đình	Thuận	Nam	20/08/2005	23ĐHTT05	14	3.00	7.28	71	Khá	11,250,000	
13	2331540133	Lê Phạm Bảo	Uyên	Nữ	04/09/2005	23ĐHTT06	14	2.96	7.49	91	Khá	11,250,000	
14	2331540345	Bùi Nguyễn Minh	Quân	Nam	17/09/2003	23ĐHTT06	14	2.96	7.35	76	Khá	11,250,000	
15	2331540240	Hoàng Thị Mai	Lan	Nữ	27/04/2005	23ĐHTT05	14	2.89	7.23	83	Khá	11,250,000	
17	2331540116	PHÙNG MINH	VŨ	Nam	17/10/2005	23ĐHTT06	14	2.89	7.26	75	Khá	11,250,000	
16	2331540012	Nguyễn Trung	Dũng	Nam	02/10/2001	23ĐHTT01	14	2.89	7.19	75	Khá	11,250,000	
19	2331540024	Bùi Minh	Thắng	Nam	04/05/2005	23ĐHTT01	14	2.89	7.26	74	Khá	11,250,000	
18	2331540277	Phạm Thế	Anh	Nam	15/08/2005	23ĐHTT05	14	2.89	7.23	74	Khá	11,250,000	
20	2331540042	Vũ Thái Bình	Dương	Nam	31/07/2005	23ĐHTT01	14	2.89	7.35	72	Khá	11,250,000	
21	2331540340	Trần Thị Kim	Hoa	Nữ	03/02/2005	23ĐHTT06	14	2.89	7.11	72	Khá	11,250,000	
22	2331540251	Trần Anh Khánh	Hoàng	Nam	10/01/2005	23ĐHTT05	14	2.89	7.26	71	Khá	11,250,000	
23	2331540243	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	30/09/2005	23ĐHTT05	14	2.89	7.11	71	Khá	11,250,000	
24	2331540041	HUỲNH CÔNG	THỊNH	Nam	17/02/2005	23ĐHTT01	14	2.86	7.31	74	Khá	11,250,000	
25	2331540125	Trần Ngọc Thảo	Vy	Nữ	21/03/2005	23ĐHTT06	14	2.82	7.09	80	Khá	11,250,000	
26	2331540228	NGUYỄN HỒNG	ĐỨC	Nam	05/07/2005	23ĐHTT05	14	2.79	7.19	80	Khá	11,250,000	
27	2331540338	Lương Thị Thùy	Hương	Nữ	20/02/2005	23ĐHTT06	14	2.79	7.06	78	Khá	11,250,000	
28	2331540276	Trần Hữu	Nghị	Nam	14/03/2005	23ĐHTT05	14	2.79	7.02	78	Khá	11,250,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
29	2331540250	Trần Quang	Vinh	Nam	18/01/2005	23ĐHTT06	14	2.79	7.26	75	Khá	11,250,000	
30	2331540354	Ngô Thị Thanh	Vân	Nữ	04/07/2002	23ĐHTT06	14	2.79	7.15	75	Khá	11,250,000	
31	2331540123	TRẦN HIẾU	NGHĨA	Nam	25/07/2005	23ĐHTT03	14	2.79	7.13	75	Khá	11,250,000	
32	2331540323	Nguyễn Lê	Hung	Nam	27/09/2005	23ĐHTT06	14	2.79	6.97	75	Khá	11,250,000	
Dịch vụ thương mại hàng không													
1	2341810036	Trần Thảo	Nguyên	Nữ	28/05/2004	23CĐTM01	18	3.03	7.46	87	Khá	11,250,000	
2	2341810021	Võ Đình	Nguyên	Nam	30/09/2005	23CĐTM01	18	2.56	6.61	86	Khá	11,250,000	
Kiểm soát không lưu													
1	2341820009	Nguyễn Lê Minh	Chi	Nữ	09/05/2001	23CĐKL01	14	3.25	7.92	76	Khá	11,250,000	
2	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	Nam	17/10/2003	23CĐKL01	14	3.14	7.89	86	Khá	11,250,000	
Kiểm tra an ninh hàng không													
1	2341830011	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	20/02/2005	23CĐAN01	16	3.00	7.31	85	Khá	11,250,000	
2	2341830020	Lê Ngọc	Hoàng	Nam	30/11/2005	23CĐAN01	16	2.50	6.80	75	Khá	11,250,000	
Kinh tế vận tải													
1	2331740020	Trần Văn Khổng	Hiền	Nam	01/10/2005	23ĐHKV01	15	3.53	8.27	85	Giỏi	12,500,000	
2	2331740077	NGÔ NGUYỄN THANH	DIỄM	Nữ	28/03/2005	23ĐHKV02	15	3.30	7.99	95	Giỏi	12,500,000	
3	2331740061	Trần Thị Tường	Viên	Nữ	23/01/2005	23ĐHKV02	15	3.20	7.57	84	Giỏi	12,500,000	
4	2331740046	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	Nữ	22/08/2005	23ĐHKV01	15	3.40	8.11	78	Khá	11,250,000	
5	2331740128	TRẦN PHẠM MAI	ANH	Nữ	05/09/2005	23ĐHKV03	15	3.33	7.93	70	Khá	11,250,000	
6	2331740212	VŨ THỊ HOA	HỒNG	Nữ	12/08/2005	23ĐHKV04	15	3.17	7.77	86	Khá	11,250,000	
7	2331740247	PHAN THỊ HUYỀN	TRÂN	Nữ	05/03/2005	23ĐHKV05	15	3.17	7.80	75	Khá	11,250,000	
8	2331740011	Trịnh Thị Mỹ	Huyền	Nữ	24/01/2003	23ĐHKV01	15	3.17	7.63	72	Khá	11,250,000	
9	2331740111	NGUYỄN QUỐC	SỬ	Nam	15/09/2005	23ĐHKV03	15	3.10	7.70	84	Khá	11,250,000	
10	2331740092	Mai Thị Thùy	Dung	Nữ	06/08/2005	23ĐHKV02	15	3.10	7.48	75	Khá	11,250,000	
11	2331740165	VÕ TRẦN NHẬT	MAI	Nữ	01/06/2005	23ĐHKV03	15	3.10	7.53	70	Khá	11,250,000	
12	2331740076	Nguyễn Lý Đăng	Duy	Nam	26/01/2005	23ĐHKV02	15	3.07	7.49	81	Khá	11,250,000	
13	2331740208	TRẦN KIM	TRÚC	Nữ	01/09/2005	23ĐHKV04	15	3.07	7.39	80	Khá	11,250,000	
14	2331740173	HỒ THIÊN	KIM	Nữ	26/10/2005	23ĐHKV04	15	2.97	7.44	76	Khá	11,250,000	
15	2331740207	Đàm Thị	Nương	Nữ	26/11/2005	23ĐHKV04	15	2.97	7.32	76	Khá	11,250,000	
16	2331740089	LÝ BÍCH	NGỌC	Nữ	27/08/2005	23ĐHKV02	15	2.93	7.47	83	Khá	11,250,000	
17	2331740127	PHẠM ĐÀM TUYẾT	VÂN	Nữ	05/10/2005	23ĐHKV03	15	2.93	7.36	78	Khá	11,250,000	
18	2331740170	Trần Thanh	Hương	Nữ	16/11/2005	23ĐHKV04	15	2.93	7.33	76	Khá	11,250,000	
19	2331740157	Mai Thanh	Trúc	Nữ	11/10/2005	23ĐHKV03	15	2.90	7.45	93	Khá	11,250,000	
20	2331740122	Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	03/04/2005	23ĐHKV03	15	2.90	7.27	83	Khá	11,250,000	
21	2331740108	TRẦN KHÁNH	LINH	Nữ	27/09/2004	23ĐHKV02	15	2.90	7.35	82	Khá	11,250,000	
22	2331740201	VÕ THỊ GIA	HUỆ	Nữ	01/04/2005	23ĐHKV04	15	2.87	7.23	81	Khá	11,250,000	
23	2331740047	Trần Hữu	Vinh	Nam	25/04/2005	23ĐHKV01	15	2.87	7.31	75	Khá	11,250,000	
24	2331740176	VÕ THỊ NHƯ	QUỖNH	Nữ	17/09/2005	23ĐHKV04	15	2.83	7.18	83	Khá	11,250,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay													
1	2341840005	Nguyễn Huy	Hiếu	Nam	03/01/2005	23CDCK01	16	3.31	7.99	92	Giỏi	12,500,000	
2	2341840014	Vô Trí	Tuệ	Nam	16/09/2004	23CDCK01	16	3.25	7.94	95	Giỏi	12,500,000	
3	2341840010	Lê Phước	Thịnh	Nam	26/01/2003	23CDCK01	16	3.13	7.68	72	Khá	11,250,000	
4	2341840024	Phạm Đức	Lương	Nam	04/02/2004	23CDCK01	16	3.00	7.39	92	Khá	11,250,000	
Kỹ thuật Hàng không													
1	2331520024	NGÔ LÊ BẢO	PHÚC	Nam	12/09/2005	23ĐHKT01	14	3.71	8.80	94	Xuất sắc	13,750,000	
2	2331520019	Nguyễn Vĩnh	Tiến	Nam	26/11/2005	23ĐHKT01	14	3.61	8.41	88	Giỏi	12,500,000	
3	2331520109	Bùi Hoàng	Huy	Nam	28/07/2005	23ĐHKT02	14	3.50	8.29	98	Giỏi	12,500,000	
4	2331520006	Phùng Thị	Giang	Nữ	10/11/2005	23ĐHKT01	14	3.50	8.31	85	Giỏi	12,500,000	
5	2331520011	TRƯƠNG THÀNH	LÂM	Nam	16/01/2005	23ĐHKT01	14	3.36	8.10	89	Giỏi	12,500,000	
6	2331520010	LÂM NGỌC	MINH	Nam	19/04/2005	23ĐHKT01	14	3.25	7.79	89	Giỏi	12,500,000	
7	2331520055	PHẠM HOÀNG	CHƯƠNG	Nam	07/07/2005	23ĐHKT01	14	3.21	7.84	80	Giỏi	12,500,000	
8	2331520071	VŨ VĂN	TRÌNH	Nam	20/02/2005	23ĐHKT02	14	3.50	8.46	70	Khá	11,250,000	
9	2331520016	NGUYỄN HỒNG	ĐỨC	Nam	16/11/2005	23ĐHKT01	14	3.46	8.13	77	Khá	11,250,000	
10	2331520067	Ngô Văn	Huy	Nam	15/11/2005	23ĐHKT02	14	3.39	8.00	72	Khá	11,250,000	
11	2331520057	NGUYỄN PHÚC	KHANG	Nam	12/12/2005	23ĐHKT01	14	3.32	7.96	77	Khá	11,250,000	
12	2331520108	ĐẶNG DUY	KHOA	Nam	08/03/2005	23ĐHKT02	14	3.29	8.08	76	Khá	11,250,000	
Ngôn ngữ Anh													
1	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	Nữ	06/10/2005	23ĐHNA05	14	3.68	8.37	87.00	Giỏi	12,500,000	
2	2331720208	LÊ THANH	THIÊN	Nam	06/05/2005	23ĐHNA04	14	3.61	8.35	80.00	Giỏi	12,500,000	
3	2331720038	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	Nữ	04/06/2005	23ĐHNA01	14	3.57	8.29	93.00	Giỏi	12,500,000	
4	2331720135	Lê Cao	Lâm	Nam	05/11/2005	23ĐHNA03	14	3.50	8.16	98.00	Giỏi	12,500,000	
5	2331720444	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	01/04/2005	23ĐHNA05	14	3.43	8.18	88.00	Giỏi	12,500,000	
6	2331720129	Vương Phước	Huy	Nam	23/10/2005	23ĐHNA03	14	3.39	7.97	98.00	Giỏi	12,500,000	
7	2331720262	LÊ BẢO	CHÂU	Nữ	06/09/2005	23ĐHNA02	14	3.39	8.14	85.00	Giỏi	12,500,000	
8	2331720178	DƯƠNG THỊ NGỌC	DUNG	Nữ	26/06/2005	23ĐHNA04	14	3.36	8.10	95.00	Giỏi	12,500,000	
9	2331720214	CAO NGỌC HIỀN	MAI	Nữ	23/01/2005	23ĐHNA04	14	3.36	7.89	85.00	Giỏi	12,500,000	
10	2331720015	Phạm Thị Mỹ	Tĩnh	Nữ	05/06/2005	23ĐHNA01	14	3.32	8.09	85.00	Giỏi	12,500,000	
11	2331720430	Đào Thiên	Mỹ	Nữ	22/12/2005	23ĐHNA02	14	3.32	7.79	83.00	Giỏi	12,500,000	
12	2331720006	TRẦN ĐẶNG THUY	DUNG	Nữ	23/06/2005	23ĐHNA01	14	3.71	8.64	72.00	Khá	11,250,000	
13	2331720185	Nguyễn Hương	Thảo	Nữ	11/10/2005	23ĐHNA04	14	3.57	8.31	72.00	Khá	11,250,000	
14	2331720045	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	20/05/2005	23ĐHNA01	14	3.54	8.09	70.00	Khá	11,250,000	
15	2331720021	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	14/08/2004	23ĐHNA01	14	3.32	7.87	74.00	Khá	11,250,000	
16	2331720202	NGUYỄN THIÊN	KIM	Nữ	22/04/2005	23ĐHNA04	14	3.29	7.73	74.00	Khá	11,250,000	
17	2331720345	Văn Bảo	Trân	Nữ	12/06/2005	23ĐHNA07	14	3.21	7.58	74.00	Khá	11,250,000	
18	2331720401	Nguyễn Trần Thảo	My	Nữ	10/04/2005	23ĐHNA02	14	3.21	7.85	72.00	Khá	11,250,000	
19	2331720056	LÊ GIA	HÂN	Nữ	29/05/2005	23ĐHNA02	14	3.11	7.70	89.00	Khá	11,250,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
20	2331720073	TĂNG KIM	DUYÊN	Nữ	24/07/2005	23ĐHNA02	14	3.11	7.71	81.00	Khá	11,250,000	
21	2331720078	VÕ HOÀNG MINH	ANH	Nam	20/02/2005	23ĐHNA02	14	3.11	7.73	78.00	Khá	11,250,000	
22	2331720092	Lê Thanh	Xuân	Nữ	03/03/2005	23ĐHNA02	14	3.11	7.63	71.00	Khá	11,250,000	
23	2331720107	NGUYỄN THANH	VY	Nữ	22/09/2005	23ĐHNA02	14	3.11	7.50	71.00	Khá	11,250,000	
24	2331720025	Trần Trung	Đạt	Nam	13/09/2005	23ĐHNA01	14	3.07	7.43	71.00	Khá	11,250,000	
25	2331720085	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	10/05/2005	23ĐHNA02	14	3.04	7.54	83.00	Khá	11,250,000	
26	2331720355	Trần Quang	Cường	Nam	23/12/2005	23ĐHNA07	14	3.00	7.39	85.00	Khá	11,250,000	
27	2331720033	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	23/04/2005	23ĐHNA01	14	3.00	7.56	80.00	Khá	11,250,000	
28	2331720041	VƯƠNG THỊ KIM	KHÁNH	Nữ	02/11/2005	23ĐHNA01	14	3.00	7.42	76.00	Khá	11,250,000	
29	2331720001	LƯU KHAI	NGHIỆP	Nam	14/10/2004	23ĐHNA01	14	2.96	7.47	86.00	Khá	11,250,000	
30	2331720445	Nguyễn Minh	Thông	Nam	21/06/2004	23ĐHNA05	14	2.96	7.41	77.00	Khá	11,250,000	
31	2331720195	LÊ THỊ MAI	LINH	Nữ	14/12/2005	23ĐHNA04	14	2.93	7.30	72.00	Khá	11,250,000	
32	2331720218	PHẠM VÕ BẢO	TRÂN	Nữ	13/05/2005	23ĐHNA04	14	2.89	7.21	93.00	Khá	11,250,000	
33	2331720002	HOÀNG NHẬT	HUY	Nam	15/09/2005	23ĐHNA01	14	2.89	7.36	84.00	Khá	11,250,000	
34	2331720004	Dư Trần Thủy	Trúc	Nữ	14/09/2005	23ĐHNA01	14	2.89	7.23	75.00	Khá	11,250,000	
35	2331720390	Lương Tú	Ngân	Nữ	21/08/2005	23ĐHNA07	14	2.89	7.19	74.00	Khá	11,250,000	
36	2331720165	CHÂU BẢO	NGỌC	Nữ	06/04/2005	23ĐHNA03	14	2.89	7.22	71.00	Khá	11,250,000	
37	2331720194	Lê Ngọc Tâm	Như	Nữ	24/09/2005	23ĐHNA04	14	2.82	7.26	71.00	Khá	11,250,000	
Quản lý hoạt động bay													
1	2331710147	Đoàn Thị Yến	Oanh	Nữ	08/01/2005	23ĐHKL03	13	3.92	8.82	97	Xuất sắc	13,750,000	
2	2331710138	BÙI DIỄM	QUỲNH	Nữ	25/09/2005	23ĐHKL03	13	3.88	8.68	97	Xuất sắc	13,750,000	
3	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	04/01/2005	23ĐHKL03	13	3.88	8.90	96	Xuất sắc	13,750,000	
4	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	22/05/2005	23ĐHKL01	13	3.88	8.97	90	Xuất sắc	13,750,000	
5	2331710153	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	Nữ	11/11/2005	23ĐHKL03	13	3.81	8.66	95	Xuất sắc	13,750,000	
6	2331710034	HUỲNH BẢO	KHUYÊN	Nữ	17/03/2005	23ĐHKL03	13	3.77	8.76	97	Xuất sắc	13,750,000	
7	2331710062	TRẦN VŨ TUỜNG	VY	Nữ	09/03/2004	23ĐHKL02	13	3.69	8.66	97	Xuất sắc	13,750,000	
8	2331710119	Trần Lê Thủy	Dung	Nữ	18/08/2005	23ĐHKL02	13	3.69	8.68	95	Xuất sắc	13,750,000	
9	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thào	Nữ	02/05/2005	23ĐHKL02	13	3.69	8.58	95	Xuất sắc	13,750,000	
10	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	20/12/2005	23ĐHKL02	13	3.69	8.92	92	Xuất sắc	13,750,000	
11	2331710127	NGUYỄN PHÚC ANH	HÀO	Nam	23/12/2005	23ĐHKL03	13	3.62	8.36	93	Xuất sắc	13,750,000	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành													
1	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	Nam	19/04/2005	23ĐHDL03	15	3.60	8.46	98.00	Xuất sắc	13,750,000	
2	2331730089	Tổng Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	20/02/2005	23ĐHDL02	15	3.73	8.35	88.00	Giỏi	12,500,000	
3	2331730081	NGUYỄN THỊ ANH	THU	Nữ	19/05/2005	23ĐHDL02	15	3.17	7.53	84.00	Khá	11,250,000	
4	2331730129	Hoàng Thị Thanh	Thảo	Nữ	15/11/2005	23ĐHDL03	15	2.97	7.53	79.00	Khá	11,250,000	
5	2331730117	NGUYỄN THỊ THU	NGA	Nữ	02/01/2005	23ĐHDL02	15	2.87	7.15	74.00	Khá	11,250,000	
6	2331730082	Nguyễn Thiên Phương	Mai	Nữ	21/09/2005	23ĐHDL02	15	2.83	7.25	80.00	Khá	11,250,000	
7	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	Nữ	21/05/2005	23ĐHDL03	15	2.80	7.23	88.00	Khá	11,250,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
8	2331730144	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	Nữ	04/06/2005	23ĐHDL03	15	2.53	6.81	76.00	Khá	11,250,000	
Quản trị kinh doanh													
1	2331310113	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỆU	Nữ	01/10/2005	23ĐHQT02	15	3.63	8.34	86	Giỏi	12,500,000	
2	2331310204	CAO THỊ BÍCH	TRÂM	Nữ	18/03/2005	23ĐHQT04	15	3.47	7.98	85	Giỏi	12,500,000	
3	2331310593	Nguyễn Trịnh Tường	Vi	Nữ	04/12/2003	23ĐHQT02	15	3.23	7.65	95	Giỏi	12,500,000	
4	2331310436	HỒ VĂN	MANH	Nam	23/12/2005	23ĐHQT08	15	3.23	7.88	85	Giỏi	12,500,000	
5	2331310010	Nguyễn Trần Thùy	Linh	Nữ	23/04/2005	23ĐHQT01	15	3.53	8.31	78	Khá	11,250,000	
6	2331310166	NGUYỄN THỊ DIỄM	THUY	Nữ	13/07/2005	23ĐHQT03	15	3.43	8.31	70	Khá	11,250,000	
7	2331310298	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THO	Nữ	23/11/2004	23ĐHQT06	15	3.13	7.65	76	Khá	11,250,000	
8	2331310277	Lưu Hoàng Thùy	Trân	Nữ	24/09/2005	23ĐHQT05	15	2.97	7.25	85	Khá	11,250,000	
9	2331310160	TRẦN THANH THUY	TIÊN	Nữ	28/09/2004	23ĐHQT03	15	2.97	7.53	83	Khá	11,250,000	
10	2334330001	Võ Ngọc Trung	Kiên	Nam	16/03/2005	23ĐAQT01	15	2.93	7.33	75	Khá	11,250,000	
11	2331310001	Trần Huỳnh Như	Ý	Nữ	01/05/2005	23ĐHQT01	15	2.83	7.45	70	Khá	11,250,000	
12	2331310498	Trần Cao Tú	Quyên	Nữ	11/06/2005	23ĐHQT09	15	2.80	7.37	83	Khá	11,250,000	
13	2331310242	Phạm Thị Ý	Nhi	Nữ	07/05/2005	23ĐHQT05	15	2.80	7.10	74	Khá	11,250,000	
14	2331310313	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	Nữ	02/08/2005	23ĐHQT06	15	2.77	7.14	83	Khá	11,250,000	
15	2331310168	Lê Lâm Anh	Thư	Nữ	06/06/2005	23ĐHQT03	15	2.73	6.91	76	Khá	11,250,000	
16	2331310035	ĐỖ VŨ TRÂM	ANH	Nữ	19/05/2005	23ĐHQT01	15	2.70	7.03	76	Khá	11,250,000	
17	2331310039	Nguyễn Thị Thủy	Nga	Nữ	27/06/2005	23ĐHQT01	15	2.70	7.15	74	Khá	11,250,000	
18	2331310416	VÕ THỊ TRÀ	MY	Nữ	11/12/2005	23ĐHQT08	15	2.67	6.94	84	Khá	11,250,000	
19	2331310190	ĐÀO VŨ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	10/04/2005	23ĐHQT04	15	2.67	6.89	74	Khá	11,250,000	
20	2334330045	Trần Phương	Thùy	Nữ	13/11/2005	23ĐAQT01	15	2.63	6.84	81	Khá	11,250,000	
21	2331310124	HUỲNH THỊ MỸ	TRINH	Nữ	21/05/2005	23ĐHQT03	15	2.63	6.97	70	Khá	11,250,000	
22	2331310258	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	21/06/2005	23ĐHQT05	15	2.60	6.99	84	Khá	11,250,000	
23	2331310466	NGUYỄN THỊ	CÚC	Nữ	31/10/2004	23ĐHQT08	15	2.60	6.89	76	Khá	11,250,000	
24	2331310021	Trần Thiên Linh	Nguyên	Nữ	22/03/2005	23ĐHQT01	15	2.60	6.85	71	Khá	11,250,000	
25	2331310563	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	28/07/2004	23ĐHQT01	15	2.57	6.74	89	Khá	11,250,000	
26	2331310207	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	29/07/2005	23ĐHQT04	15	2.57	6.87	83	Khá	11,250,000	
27	2331310537	Trần Võ Như	Thảo	Nữ	13/05/2005	23ĐHQT06	15	2.53	6.51	85	Khá	11,250,000	
28	2331310301	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	Nữ	08/12/2003	23ĐHQT06	15	2.53	6.69	84	Khá	11,250,000	
29	2331310335	NGUYỄN TRÂM	ANH	Nữ	20/12/2005	23ĐHQT06	15	2.53	6.69	80	Khá	11,250,000	
30	2331310446	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	05/10/2005	23ĐHQT08	15	2.53	6.66	74	Khá	11,250,000	
Quản trị nhân lực													
1	2331320034	LÊ THỊ MAI	THO	Nữ	15/08/2005	23ĐHNL01	15	3.50	8.03	80	Giỏi	12,500,000	
2	2331320137	NGUYỄN THÀNH	LỘC	Nam	02/04/2005	23ĐHNL03	15	3.20	8.01	71	Khá	11,250,000	
3	2331320138	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	Nữ	28/02/2005	23ĐHNL04	15	2.73	6.91	83	Khá	11,250,000	
4	2331320126	PHẠM PHƯƠNG	NHI	Nữ	30/08/2005	23ĐHNL03	15	2.53	6.57	82	Khá	11,250,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm Rèn Luyện	Xếp loại học bổng	Số tiền TCHB	Ghi chú
5	2331320081	NGUYỄN THỊ KHẢ	DOANH	Nữ	02/07/2005	23ĐHNL02	15	2.53	6.84	73	Khá	11,250,000	
Tổng cộng												4,916,250,000	
	Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng./.												

TRƯỞNG PHÒNG
TUYỂN SINH&CÔNG TÁC SINH VIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Tùng

Nguyễn Thị Dịu

Nguyễn Thị Hải Hằng